

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mỹ và ông Nguyễn Thanh Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 151/2024/HNGĐ - ST ngày 01/7/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HN&GD, ngày 13/8/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Quang P, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh P có mặt; chị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Quang P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, anh về chung sống với gia đình nhà vợ tại xóm L, xã H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Sau khi chị L sinh con thì vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm nên anh và cháu N về nhà nội chung sống cùng ông bà nội. Từ đó đến nay vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, tình cảm với nhau. Vợ anh cũng không thăm nom và đi lại thăm con. Sau nhiều năm suy nghĩ, nhận thấy vợ chồng không cùng quan điểm để duy trì hôn nhân và cuộc sống, bản thân anh không thể tiếp tục quan hệ hôn

nhân này được nữa. Nên anh đề nghị Toà án cho anh được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung vợ chồng có 01 con chung cháu Đinh Thị Linh N, sinh ngày 23/8/2018. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, hiện con chung ở với anh ổn định tại huyện Đ.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai chị Hoàng Thị Mỹ L thể hiện quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P kết hôn năm 2017, đăng ký tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn chị và anh P cùng chung sống với bố mẹ chị tại xóm L, xã H, huyện Đ. Sau khi chị sinh con thì chị bị trầm cảm sau sinh nên không thể chăm sóc được con. Từ năm 2018 anh P đưa con về nhà nội ở Đ để chăm sóc, vợ chồng sống ly thân và không còn sự quan tâm từ đó đến nay. Nay anh P có đơn ly hôn chị có nguyện vọng xin đoàn tụ. Trường hợp anh P cương quyết xin ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa chị và anh P có 01 con chung là Đinh Thị Linh N, sinh ngày 23/8/2018. Nay anh P xin ly hôn, nếu Toà án giải quyết cho ly hôn chị nhất trí để anh P nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh P không yêu cầu chị không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Do điều kiện hiện nay sức khoẻ yếu nên chị L đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt cho chị.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đại Từ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh P được ly hôn chị L.

- *Về con chung:* Đề nghị giao con chung cho bố là anh Đinh Quang P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

- *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
- *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
- *Án phí*: Anh P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.
- *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Bị đơn chị Hoàng Thị Mỹ L có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng tới bị đơn nhưng chị L không chấp hành. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không tiến hành phiên hòa giải được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản lấy lời khai của chị L ngày 26/6/2024 chị L thể hiện quan điểm hiện nay do sức khỏe yếu nên chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt trong vụ án này. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và giành quyền kháng cáo cho người vắng mặt trong vụ án.

[2.2]. Về thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không đồng ý ly hôn nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải. Do vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Quang P và chị Hoàng Thị Mỹ L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2017, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh và chị L chung sống tại xóm L, xã H, huyện Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Sau khi sinh con thì vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm nên anh P đã đưa con chung về nhà nội chung sống cùng ông bà nội. Việc anh P đưa con bỏ đi chị L không phản đối do sức khỏe yếu và không có điều kiện để chăm sóc con chung. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, tình cảm với nhau.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị L không đến Tòa án làm việc nhưng thông qua biên bản lấy ý kiến của chị L với Tòa án thể hiện chị L không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ, nhưng do sức khỏe yếu nên chị L không thể đến Tòa án tham gia phiên hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình của chị L là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân chị L và anh P đã sống ly thân nhiều năm. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Tại biên bản xác minh, biên bản làm việc với bà Đỗ Thị H – là mẹ đẻ chị L cung cấp thông tin: Từ tháng 8 năm 2018 sau khi chị L sinh con thì chị L bị trầm cảm không thể chăm sóc được con, nên anh P đưa con về nhà nội ở để tiện chăm sóc. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Việc anh P đề nghị ly hôn với chị L và đề nghị được nuôi con gia đình không có ý kiến gì, nhất trí theo đơn đề nghị của anh P, bởi thực tế chị L sức khỏe yếu hiện không đi làm, không có thu nhập vẫn phụ thuộc vào mẹ đẻ.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*. Thực tế cuộc sống của anh P, chị L đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, cho anh P được ly hôn với chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Với quá trình chung sống, anh P và chị L có 01 con chung: cháu Đinh Thị Linh N, sinh ngày 23/8/2018. Nay ly hôn anh P đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị L không thể hiện quan điểm về việc khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung. Mặt khác, tại biên bản xác minh với bà Đỗ Thị H – mẹ đẻ chị L thể hiện, sau khi chị L sinh con thì chị L bị trầm cảm không thể chăm sóc được con, nên anh P đưa con về nhà nội ở để tiện chăm sóc, cháu N hiện đang sống cùng bố là anh P tại Đ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung đối với anh P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi có yêu cầu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L được quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về khoản nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tại phiên toà là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 178, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đinh Quang P với chị Hoàng Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Quang P được ly hôn với chị Hoàng Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Thị Linh N, sinh ngày 23/8/2018, cho anh Đinh Quang P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con

chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đinh Quang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh P được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, theo biên lai số 0005471 ngày 01/7/2024. Xác nhận anh P đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh P. Báo cho biết anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án. Chị L vắng mặt tại phiên tòa. Báo cho biết chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Bình Thành, huyện Định Hoá (ĐKKH số 24 ngày 13/10/2017);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà